

***Bản án số: 240/2022/HSST
Ngày: 29/8/2022***

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ninh

2. Bà Trần Thanh Vân

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thuý D, Thư ký Tòa án nhân dân thị trấn Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị trấn Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị trấn Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 165 /2022/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166 /2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn D**, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1997; Tên gọi khác: Không; ĐKKTT: Thôn M, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở: Tổ 16, phường Hương Sơn, thị trấn Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: TH chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Dũng và con bà: Bà Thị Ten; Vợ: H Thu Hiền, Có 01 con;

Tiền án: Bản án số 209/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thị trấn H Nội xử phạt Trần Văn D 16 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 617.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bồi thường cho bị hại số tiền 12.352.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/9/2021. Đã thi hành xong án phí. Phần bồi thường thiệt hại chưa thi hành.

Tiền sự: Không; Nhân thân: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, Địa chỉ: Tổ 10, phường T, thị trấn T, tỉnh Thái Nguyên(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Chị D Thị B, sinh năm 2002, Địa chỉ: Xóm Soi 1, xã Úc Kỳ, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Chị Lê Thị Tt, sinh năm 1991, Địa chỉ: Tổ 10, phường T, tHnh phố T, tỉnh Thái Nguyên (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Quốc H, sinh năm 1988, Địa chỉ: Tổ 16, phường H, TP. T, tỉnh Thái Nguyên(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Chị Trần Thị S, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

ĐKHKT:Thôn 2, xã Bò Đề, huyện B Lục, tỉnh H Nam.

Chỗ ở: Tổ 08, phường Tích Lương,TP.Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

* Người chứng kiến:

1. Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1973, Địa chỉ: Tổ 07, phường Tích Lương, tHnh phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

2. Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 2000, Địa chỉ: Tổ 03, phường Phú Xá, tHnh phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn D là đối tượng không có nghề nghiệp, thường xuyên đi lang thang lợi dụng sơ hở của người dân để chiếm đoạt rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Trong tháng 01 năm 2022, D đã sử dụng xe mô tô biển kiểm soát: 20B1 - 343.45 thực hiện nhiều vụ cướp giật tài sản trên địa bàn tHnh phố Thái Nguyên, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 14/01/2022, Trần Văn D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển kiểm soát: 20B1 – 343.45 (là xe của anh Trần Quốc H, sinh năm 1988, HKTT: Tổ 16, phường Hương Sơn, TP Thái Nguyên, bạn của D) đi từ tổ 16 phường Hương Sơn, tHnh phố Thái Nguyên đến trung tâm tHnh phố Thái Nguyên với mục đích xem có ai sơ hở để chiếm đoạt tài sản. Khoảng 13 giờ cùng ngày, D đi từ hướng đường Bắc Kạn đến đảo tròn Mỏ Bạch thì phát hiện chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1990, HKTT: Tổ 10, phường Tân Long, tHnh phố Thái Nguyên) đang dừng xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu hồng, không rõ biển kiểm soát trước cổng Trung tâm kiểm soát bệnh tật Thái Nguyên thuộc tổ 01, phường Hoàng Văn Thụ, tHnh phố Thái Nguyên, tay phải đang cầm điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng, dung lượng 64Gb, đã qua sử dụng bên ngoài có ốp điện thoại bằng nhựa màu xanh. D đi qua chị H khoảng 100 mét rồi quay xe lại, dừng xe cùng chiều với chị H, cách vị trí chị H đang dừng khoảng 20 mét. Khi thấy chị H nghe điện thoại xong, D ép số xe mô tô về số 2, điều khiển áp sát phía bên trái chị H và dùng tay trái giật chiếc điện thoại chị H đang cầm trên tay phải rồi tăng ga bỏ chạy về phía đê Nông Lâm. Sau khi chiếm đoạt được điện thoại D mang đến cửa Hng mua bán, sửa chữa điện thoại “Huyền Lập” thuộc tổ 8, phường Tích Lương, tHnh phố Thái Nguyên do chị Trần Thị S (sinh năm 1989, HKTT: Thôn 2, xã Bò Đề, huyện B Lục, tỉnh H Nam) làm chủ, bán cho chị S được số tiền 850.000 đồng. Số tiền này D tiêu xài cá nhân hết. Hiện không thu hồi được chiếc điện thoại trên.

Ngày 24/01/2022 chị Nguyễn Thị H gửi đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tHnh phố Thái Nguyên để giải quyết theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 74/HĐĐGTS ngày 16/3/2022 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự tHnh phố Thái Nguyên kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu gold, dung lượng 64Gb, đã qua sử dụng và 01 ốp điện thoại bằng nhựa màu xanh đã qua sử dụng, tổng giá trị tài sản là 6.010.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 21/01/2022, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh – trắng, biển kiểm soát: 20B1 – 343.45 đến khu vực chợ Đồng Quang tiếp tục tìm tài sản sơ hở của người khác để chiếm đoạt. Khi đi đến khu vực tổ 14, phường Quang Trung, tHnh phố Thái Nguyên thì nhìn thấy chị D Thị B (sinh năm 2002, HKTT: Xóm Soi 1, xã Úc Kỳ, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên) đang điều khiển xe đạp đi theo chiều từ đường Việt Bắc về phía đê Nông Lâm. D phát hiện tại túi áo khoác bên trái của chị B có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu đen nên đã tăng ga áp sát phía bên trái rồi dùng tay phải giật chiếc điện thoại này của chị B. Sau khi giật được chiếc điện thoại, D chuyển điện thoại từ tay phải sang tay trái rồi tăng ga bỏ chạy. D mang đến cửa Hng mua bán, sửa chữa điện thoại “Huyền Lập” bán cho chị Trần Thị S được số tiền 700.000 đồng. Số tiền trên, D đã tiêu xài cá nhân hết. Hiện không thu hồi được chiếc điện thoại trên.

Ngày 23/01/2022 chị D Thị B gửi đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tHnh phố Thái Nguyên để giải quyết theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/HĐĐGTS ngày 22/2/2022 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự tHnh phố Thái Nguyên kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A11, ram 3gb, bộ nhớ trong 32gb, màu đen, đã qua sử dụng trị giá: 2.300.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 22/01/2022, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh – trắng, biển kiểm soát: 20B1 – 343.45 đi từ phường Tân Lập hướng đi phường Tích Lương, tHnh phố Thái Nguyên mục đích để chiếm đoạt tài sản. Khi đi đến đoạn đường 3/2 thuộc tổ 5, phường Tân Lập, tHnh phố Thái Nguyên thì thấy chị Lê Thị Tt (sinh năm 1991, HKTT: Tổ 10, phường Tích Lương, tHnh phố Thái Nguyên) đang điều khiển xe mô tô BKS 20M4 – 8237 đi cùng chiều, vừa điều khiển xe vừa dùng tay trái cầm chiếc điện thoại di động Iphone Xs, màu vàng nói chuyện. D tăng ga xe mô tô, ép số về số 2, điều khiển xe áp sát bên trái rồi dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động của chị Tt. Sau khi cướp giật được điện thoại, D chuyển điện thoại sang tay trái rồi cất vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi tăng ga xe bỏ chạy về hướng phường Tích Lương, tHnh phố Thái Nguyên. Cùng lúc này, anh Hoàng Văn Q (sinh năm 2000, HKTT: Thôn Bản Lắc, xã Bằng Láng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn) cũng đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda – Wave, màu trắng, BKS: 97B2 – 041.62 đi cùng chiều nhìn thấy D giật điện thoại của chị Tt nên đã tăng ga đuổi theo và hô hoán mọi người đuổi bắt. D bỏ chạy đến đoạn đường thuộc tổ 07, phường Tích Lương, tHnh phố Thái Nguyên thì bị anh Q cùng quần chúng nhân dân và Công an phường Tích Lương bắt giữ. Sau đó, Cơ quan phường Tích Lương, tHnh phố Thái Nguyên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D và thu giữ vật chứng theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/HĐĐGTS ngày 22/2/2022 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tHnh phố Thái Nguyên kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu XS màu vàng, bên trong lắp sim số thuê bao 0985.599.530 đã qua sử dụng và 01 ốp điện thoại di động nhãn hiệu XSMax, bằng nhựa màu trong suốt, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng, trị giá: 5.800.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn D đã khai nhận Hnh vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai nhận của D phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác định hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng, dung lượng 64Gb, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa màu xanh, đã qua sử dụng. Hiện chưa thu hồi được; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, RAM 3GB, bộ nhớ trong 32GB, màu đen, đã qua sử dụng. Hiện chưa thu hồi được; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng, số IMEI 1: 356174094949172, số IMEI 2: 356174094502039, bên trong lắp SIM số thuê bao: 0985.559.530, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa màu trong suốt, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng. Đã thu hồi và trả lại cho chị Lê Thị Tt là chủ sở hữu để quản lý, sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh – trắng, biển kiểm soát: 20B1 - 343.45, số khung: RLCE 55P10CY191397, số máy: 55P1-191315, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là sở hữu hợp pháp của anh Trần Quốc H, sinh năm 1988, HKTT: tổ 16, phường Hương Sơn, tHnh phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, việc D sử dụng chiếc xe trên để đi cướp giật tài sản anh H không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần Quốc H quản lý, sử dụng.

Phản dân sự: Chị Lê Thị Tt không có yêu cầu đề nghị gì. Chị D Thị B yêu cầu D bồi thường số tiền 2.300.000 đồng, chị Nguyễn Thị H yêu cầu D bồi thường số tiền 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 168/CT-VKSTPTN ngày 31/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Trần Văn D về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 BLHS.

Tại pH tòa, bị cáo đã tHnh khẩn khai nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g,h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 05 đến 06 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung; buộc bị cáo chịu án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Sau khi nghe đại diện viện kiểm sát luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan. Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử cho được hưởng mức án thấp nhất .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các Hnh vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Quá trình điều tra, truy tố và tại pH tòa, bị cáo không có khiếu nại về Hnh vi, quyết định của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Cơ quan điều tra Công an tHnh phố Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Thái Nguyên; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Xét Hnh vi phạm tội của bị cáo: Tại pH tòa bị cáo khai nhận toàn bộ Hnh vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo tại pH tòa là khách quan, phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản sự việc, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 14/01/2022, tại khu vực tổ 1, phường Hoàng Văn Thụ, tHnh phố Thái Nguyên, bị cáo cướp giật 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng bên ngoài có 01 ốp điện thoại bằng nhựa màu xanh của chị Nguyễn Thị H có giá trị là 6.010.000 đồng; Khoảng 12 giờ ngày 21/01/2022, tại khu vực tổ 14 phường Quang Trung, tHnh phố Thái Nguyên, bị cáo cướp giật 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu đen của chị D Thị B có giá trị là 2.300.000 đồng; Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 22/01/2022, tại khu vực tổ 7, phường Tích Lương, tHnh phố Thái Nguyên, bị cáo cướp giật 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng 64gb của chị Lê Thị Tt có giá trị là 5.800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo cướp giật là 14.110.000 đồng.

Hnh vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu tHnh tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 171 BLHS quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a.

...

d. Dùng thủ đoạn nguy hiểm;”

[3] Xét tính chất Hnh vi phạm tội thấy rằng: Hnh vi của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội; trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án này bị cáo tự mình thực hiện Hnh vi tội phạm, không có đồng phạm nào khác. Do đó cần có hình thức xử phạt nghiêm khắc thích đáng đối với bị cáo để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, nâng cao tính răn đe nhằm ngăn ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, ham chơi bời, lười lao động dẫn đến phạm tội. Những yếu tố trên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt: Sau khi xét Hnh vi, tính chất, mức độ của Hnh vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo Hội đồng xét thấy mức hình phạt từ 05 đến 06 năm tù đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Thái Nguyên đề nghị khi luận tội là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản mà bị cáo cướp giật được của chị B là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, màu đen và của chị H là 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus hiện không thu hồi được. Bị hại chị D Thị B yêu cầu bị cáo phải bồi thường theo giá trị chiếc điện thoại được Hội đồng định giá xác định là 2.300.000 đồng; Bị hại chị Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại pH toà, bị cáo không có thắc mắc gì về việc định giá những chiếc điện thoại do bị cáo cướp giật được, bị cáo nhất trí bồi thường cho chị B và chị H. Xét thấy, yêu cầu của các bị hại là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật do đó cần chấp nhận: Buộc bị cáo Trần Văn D có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, HKTT: Tổ 10, phường Tân Long, tHnh phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 plus, màu gold, dung lượng 64GB, đã qua sử dụng, tình trạng hoạt động B thường là 5.000.000đ (Năm triệu đồng); Buộc bị cáo Trần Văn D có trách nhiệm bồi thường cho chị D Thị B, sinh năm 2002, HKTT: Xóm Soi 1, xã Úc Kỳ, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, ram 3GB, bộ nhớ trong 32GB, màu đen, đã qua sử dụng là 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Tài sản mà bị cáo cướp giật của chị Lê Thị Tt, hiện đã thu hồi và trả cho chị Tt, chị Tt đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Quốc H và chị Trần Thị S đều có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về vật chứng: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng, dung lượng 64Gb, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa màu xanh, đã qua sử dụng. Hiện chưa thu hồi được; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11, RAM 3GB, bộ nhớ trong 32GB, màu đen, đã qua sử dụng. Hiện chưa thu hồi được; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs, màu vàng, số IMEI 1: 356174094949172, số IMEI 2: 356174094502039, bên trong lắp SIM số thuê bao: 0985.559.530, đã qua sử dụng và 01 (một) ốp điện thoại bằng nhựa màu trong suốt, không rõ nhãn hiệu,

đã qua sử dụng. Đã thu hồi và trả lại cho chị Lê Thị Tt là chủ sở hữu để quản lý, sử dụng; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh – trắng, biển kiểm soát: 20B1 - 343.45, số khung: RLCE 55P10CY191397, số máy: 55P1-191315, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là sở hữu hợp pháp của anh Trần Quốc H, sinh năm 1988, HKTT: tổ 16, phường Hương Sơn, tHnh phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, việc D sử dụng chiếc xe trên để đi cướp giật tài sản anh H không biết. Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần Quốc H quản lý, sử dụng.

[8] Về việc xử lý Hnh vi và các đối tượng có liên quan: Đối với anh Trần Quốc H là người cho Trần Văn D mượn xe mô tô Yamaha Exciter, màu xanh – trắng, biển kiểm soát: 20B1-343.45 để sử dụng, anh H không biết việc D sử dụng xe để thực hiện Hnh vi cướp giật tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tHnh phố Thái Nguyên không xem xét xử lý là có căn cứ; Đối với chị Trần Thị S là người D khai đã bán những chiếc điện thoại chiếm đoạt được, Cơ quan điều tra đưa D đến cửa Hng điện thoại do S làm chủ nhưng chị S cho biết không nhận ra D, không giao dịch mua bán điện thoại với D. Cơ quan điều tra không thu thập được tài liệu liên quan đến giao dịch mua bán giữa D và S nên không có cơ sở để xử lý; Ngoài vụ án trên, D còn khai nhận đã thực hiện một số vụ cướp giật tài sản trên địa bàn tHnh phố Thái Nguyên. Cơ quan điều tra đã tiến Hnh xác minh và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nH, đến nay chưa thu hồi được vật chứng, chưa xác định được thời gian cụ thể xảy ra vụ việc và người bị hại trong các vụ việc nên chưa có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[9] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách NH nước. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố **Trần Văn D** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Xử phạt: **Trần Văn D** 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 22/01/2022.

- Quyết định tạm giam bị cáo Trần Văn D 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi Hnh án.

2/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn D có nghĩa vụ bồi thường cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, HKTT: Tổ 10, phường Tân Long, tHnh phố Thái Nguyên, tỉnh

Thái Nguyên 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

Buộc bị cáo Trần Văn D có nghĩa vụ bồi thường cho chị D Thị B, sinh năm 2002, HKTT: Xóm Soi 1, xã Úc Kỳ, huyện Phú B, tỉnh Thái Nguyên 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người có quyền thi Hành án có đơn yêu cầu thi Hành án, nếu bị cáo chậm trả tiền thì phải chịu lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS.

Trường hợp bản án được thi Hành theo Điều 2 Luật thi Hành án thì người được thi Hành án, người phải thi Hành án có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện yêu cầu thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo các Điều 6, 7, 9 Luật thi Hành án. Thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi Hành án.

4/Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 365.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nH nước.

5/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại pH tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại pH toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Nguyên;
- Công an TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Phú Thịnh, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa

Trần Thị Minh Hải